**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT
Ngày: 15/5/2020
V/v *tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng bảo lãnh.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các thẩm phán:* Ông Bùi Đăng Huy.

Ông Nguyễn Minh Tân.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Thúy Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 19/2/2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng bảo lãnh". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Toà án nhân dân huyện G bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐ-PT ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân M (Vắng mặt).

Trụ sở: Thôn P, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người được uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

**2.Bị đơn:** Công ty cổ phần đầu tư W.

Trụ sở: Km3+300, đường 394A, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hữu Th - Giám đốc. (Vắng mặt)

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Uỷ ban nhân dân xã C,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn E - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã C ( Vắng mặt)

3.2. Các cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần đầu tư W:

- Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1940 (Vắng mặt).
- Ông Hoàng Hữu P, sinh năm 1959 (Vắng mặt).
- Ông Vũ Văn M, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày*:**

Uỷ ban nhân dân ( Viết tắt là UBND) xã C là chủ đầu tư của công trình lớp học 03 tầng 12 phòng học của trường THCS C. UBND xã C và Công ty cổ phần đầu tư W (viết tắt là Công ty W) ký kết hợp đồng xây dựng thi công công trình trên. Quá trình thi công công trình, do thiếu vốn nên Công ty W phải vay vốn để thực hiện thi công cho kịp tiến độ.

Ngày 05-6-2011, bà Nguyễn Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân M ( Viết tắt là DNTN M ) cho Công ty cổ phần đầu tư W - đại diện là ông Bùi Hữu Th vay số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 2.500đ/ngày. Thời hạn vay là 06 tháng. Hai bên có thiết lập văn bản là "Giấy nhận nợ". Trước khi cho nhau vay tiền, hai bên đã có sự thống nhất với UBND xã C - đại diện là ông Nguyễn Văn Tiến về việc UBND xã C sẽ đứng ra bảo lãnh cho Công ty W đối với khoản vay của bà M. Vì vậy, UBND xã C đã ký giấy bảo lãnh với nội dung: nếu Công ty W không trả được nợ cho bà M thì UBND xã C sẽ giữ số tiền phải trả cho Công ty W để đề nghị cấp có thẩm quyền trả cho bà M khoản tiền mà bà M cho Công ty W vay.

Công ty W đã trả cho bà M số tiền 118.750.000đ. Sau rất nhiều lần đôn đốc trả nợ, Công ty W vẫn không trả tiền cho bà M. Khi ông T và ông Tiến đến gặp ông Thọ để yêu cầu thanh toán nợ thì ông Thọ không trả mà đề nghị bà M đòi tiền của UBND xã C. Do vậy bà M khởi kiện đề nghị Toà án buộc Công ty W phải trả cho bà M số tiền 381.250.000đ và không yêu cầu trả tiền lãi. Thực tế, Công ty W đã không thanh toán nợ cho bà M nhiều năm nay. Vì vậy, bà M yêu cầu UBND xã C thực hiện ngay nghĩa vụ bảo lãnh, sử dụng khoản tiền còn nợ Công ty W để chuyển trả số tiền 350.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M - chủ DNTN M có mã số doanh nghiệp 0800290869, số tài khoản 421101.410012 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh

huyện G. Bà M tự nguyện không yêu cầu UBND xã C phải chịu lãi chậm trả. Số tiền còn lại 31.250.000đồng, Công ty W tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị M - chủ DNTN M.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND xã C - đại diện là ông Nguyễn Văn E - Chủ tịch UBND xã trình bày: UBND xã C là chủ đầu tư công trình 03 tầng 12 phòng học của trường THCS C. Bên thi công là Công ty cổ phần đầu tư W. Khi công trình xong phần cơ bản và đi vào hoàn thiện thì UBND xã chưa có nguồn để thanh toán khối lượng thi công cho Công ty W như hợp đồng đã ký. Công ty W đề nghị vay vốn của tư nhân để tiếp tục thi công cho kịp tiến độ và UBND xã đứng ra bảo lãnh cho khoản vay này. UBND xã họp và thống nhất uỷ quyền cho ông E đứng ra ký giấy bảo lãnh với nội dung: UBND xã C bảo lãnh cho bên thi công - Công ty cổ phần đầu tư W vay số tiền 500.000.000đ, thời gian vay 06 tháng, lãi suất vay 2.500/ngày, trả lãi hàng tháng. Nếu Công ty W không trả được số tiền trên thì bên chủ đầu tư trả thay bằng nguồn vốn ngân sách của Nhà nước cấp cho trường. Cụ thể: UBND xã thống nhất với bà M và Công ty W là sẽ giữ lại khoản tiền phải trả cho Công ty W khi thi công công trình trên để trả cho bà M số tiền 500.000.000đ mà Công ty W đã vay nếu Công ty W không trả được nợ cho bà M. Công trình 03 tầng 12 phòng học trên đã hoàn thành việc thi công, đưa vào sử dụng và quyết toán xong. Hiện tại UBND xã còn nợ Công ty W số tiền 353.511.000đ. UBND xã C đã liên lạc nhiều lần với Công ty W để giải quyết vấn đề trên nhưng không thể gặp được ông Thọ là người đại diện của Công ty. Nay, bà M khởi kiện ra Toà án yêu cầu UBND xã C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như đã cam kết thì UBND xã C nhất trí chuyển trả nợ cho bà M thay Công ty W số tiền 350.000.000đ trong số tiền hiện nay UBND xã C hiện còn nợ Công ty W.

Qua xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền xác định: Công ty cổ phần đầu tư W thành lập năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 12/5/2011. Người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Hữu Th, sinh năm 1969. Công ty có vốn điều lệ là 2.400.000.000đ. Địa chỉ trụ sở chính: KM3+300, đường 394A, thị trấn Lai Cách, huyện G. Mã số thuế 0800306004. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa có thông tin thể hiện việc sáp nhập, hợp nhất, giải thể hay các sự kiện pháp lý khác làm thay đổi địa vị pháp lý của công ty. Công ty W có 02 tài khoản gồm: Số tài khoản 2306 211310012 tại Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam (không còn số dư) và số tài khoản 2701101734008 tại ngân hàng TMCP quân đội (số dư còn 388.420đồng và gần 01 năm nay không có giao dịch nào với tài khoản này).

Chi cục thuế khu vực B xác định Công ty cổ phần W có thực hiện nộp báo cáo tài chính và kê khai nộp thuế với Chi cục thuế huyện G nay là Chi cục thuế khu vực B.

Công an thị trấn L cung cấp: Ông Bùi Hữu Th hiện không rõ ở đâu, trụ sở công ty đã được chuyển nhượng cho người khác.

Các cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần đầu tư W gồm ông Vũ Văn T, ông Bùi Hữu B và ông Hoàng Hữu P đều xác định chỉ đứng tên trên giấy tờ chứ thực chất không đóng góp tiền vốn vào công ty. Các ông làm công ăn lương và không còn làm việc tại Công ty nhiều năm nay, không biết công ty còn hoạt động hay không, không biết ông Th vay tiền cũng như hiện tại ông Th ở đâu. Các ông khẳng định ông Th là người đại diện quyết định mọi hoạt động của Công ty nên chịu trách nhiệm về mọi vấn đề. Các ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Công ty cổ phần đầu tư W, không có quan điểm, không có yêu cầu đề nghị gì.

Toà án nhân dân huyện G đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký của ông Th trên giấy vay tiền, giấy bảo lãnh. Kết luận giám định: Chữ ký đứng tên Bùi Hữu Th dưới các mục "ĐẠI DIỆN BÊN VAY(B)", "BÊN VAY CTCPĐT W GIÁM ĐỐC" trên giấy vay tiền, giấy bảo lãnh đề ngày 05/6/2011 so với chữ ký của Bùi Hữu Th trên các giấy tờ được so sánh do cùng một người ký ra. Các tài liệu được lấy mẫu chữ ký giám định do ông Nguyễn Văn E giao nộp cho Toà án. Ngoài ra, ông E còn cung cấp các tin nhắn của ông Th gửi cho ông E qua ứng dụng zalo trên điện thoại di động vào hồi 8 giờ 37 phút ngày 07/8/2019, nội dung: chụp hình ảnh 04 giấy nhận tiền do Công ty W đã thanh toán nợ cho bà M, ông T. Tổng số tiền của 04 giấy nhận tiền là 118.750.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Toà án nhân dân huyện G đã áp dụng: Các Điều 471, Điều 474, Điều 478, Điều 361 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân M: Xác định Công ty cổ phần đầu tư W còn nợ bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền 381.250.000đồng (bằng chữ: Ba trăm tám mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của UBND xã C: UBND xã C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty cổ phần đầu tư W đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị M - Chủ Chủ doanh nghiệp tư nhân T M. UBND xã C có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền 350.000.000đồng ( Ba trăm năm mươi triệu đồng) từ số tiền còn phải thanh toán

trả cho Công ty cổ phần đầu tư W do thi công công trình nhà 03 tầng 12 phòng học của trường THCS C.

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu UBND xã C phải chịu tiền lãi chậm trả trong trường hợp chậm thanh toán cho đến khi UBND xã C thực hiện xong việc thanh toán khoản tiền trên.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư W tiếp tục phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền còn nợ là 31.250.000đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G kháng nghị với nội dung: Xác định giấy bảo lãnh ngày 05/6/2011 ký giữa DNTN M, công ty W và ông Nguyễn Văn E- Chủ tịch UBND xã C không có dấu xác nhận của UBND xã C nên về hình thức giấy này không làm phát sinh nghĩa vụ của UBND xã C. Việc Ông Nguyễn Văn E – Chủ tịch UBND xã C ký giấy bảo lãnh bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước cho công ty W vay tiền của DNTN M là không đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND và quy định của Luật ngân sách Nhà nước nên là giao dịch trái pháp luật. Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần " Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh".

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên nội dung kháng nghị, đồng thời có quan điểm:

*Về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử các Thẩm phán, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về hướng giải quyết vụ án:* Căn cứ Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND thì không quy định Chủ tịch UBND có quyền đại diện cho UBND sử dụng Ngân sách Nhà nước để thực hiện việc bảo lãnh cho hợp đồng vay tài sản. Bộ luật dân sự năm 2005 cũng không quy định đảm bảo bằng tín chấp của UBND các cấp. Vì vậy việc ông E cho rằng ông đại diện cho UBND xã ký hợp đồng bảo lãnh cho công ty W vay tiền của DNTN M là trái pháp luật, vi phạm khoản 5 Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước năm 2002. Mặt khác về hình thức Giấy bảo lãnh chỉ có ông E ký, không có dấu của UBND xã nên nếu có việc bảo lãnh thì chỉ là trách nhiệm của cá nhân ông E. Từ phân tích trên cho thấy Việc UBND xã C ký hợp đồng bảo lãnh cho công ty W vay tiền là giao dịch trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa

bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu UBND xã C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ số tiền 350.000.000 đồng cho DNTN M.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1.Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của UBND xã C vắng mặt ( có đơn xin xét xử vắng mặt). Ông Bùi Hữu Th - Đại diện theo pháp luật của Công ty W 29 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử thấy:

- Xem xét về hình thức của hợp đồng bảo lãnh: Thực tế Hợp đồng bảo lãnh được viết dưới hình thức Giấy bảo lãnh có chữ ký của 3 bên. Cụ thể bà M ký với tư cách là bên cho vay – chủ DNTN T M, ông Bùi Hữu Th ký với tư cách là đại diện cho bên vay tiền - Công ty W và ông E ký với tư cách là đại diện cho UBND xã C - Bên bảo lãnh (Chủ đầu tư), hợp đồng có dấu của Công ty W. Mặc dù hợp đồng không có dấu của UBND xã C, tuy nhiên căn cứ kết quả xác minh tại UBND xã, căn cứ Biên bản hội nghị của UBND xã C ngày 02/6/2011 cho thấy việc ông E đứng ra ký hợp đồng bảo lãnh cho Công ty W vay tiền của DNTN T M là thể hiện ý chí của tập thể lãnh đạo UBND xã C chứ không phải ý chí của cá nhân ông Tiển ( BL 35, 68) .

- Xem xét về nội dung của Hợp đồng bảo lãnh thì thấy: Nội dung hợp đồng thể hiện ông Nguyễn Văn E đại diện cho bên chủ đầu tư đứng ra bảo lãnh cho bên thi công – Công ty W vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Mục đích vay để đảm bảo tiến độ thi công công trình lớp học do UBND xã C là chủ đầu tư, trong trường hợp Công ty W không trả được nợ thì UBND xã C phải trả thay bằng nguồn vốn ngân sách của Nhà nước cấp cho trường.

Trên thực tế UBND xã C và Công ty W đã ký kết hợp đồng xây dựng công trình 3 tầng 12 phòng của trường THCS C, công trình này đã hoàn thành và được đi vào sử dụng từ tháng 12/2012. Hiện tại UBND xã C còn phải thanh toán cho Công ty W số tiền là 353.511.000 đồng. UBND xã đã nhiều lần liên lạc với Công ty W để giải quyết vấn đề trên nhưng không thể gặp được ông Th là người đại diện của Công ty, vì ông Th hiện không có mặt tại địa phương. Kết quả xác minh cũng cho thấy hiện Công ty W đã ngừng

hoạt động. Do vậy có một thực tế đó là công trình xây dựng đã hoàn thành và đã được sử dụng, nguồn tiền chi trả cho công trình xây dựng đã được cấp nhưng UBND xã C vẫn chưa thể thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty W. Bên cạnh đó mặc dù giữa DNTN M và UBND xã C không phải là các bên ký kết hợp đồng xây dựng nhưng giữa 3 bên: DNTN M, UBND xã C và Công ty W đã thống nhất thỏa thuận UBND xã C sẽ trả nợ thay cho Công ty W số tiền vay của DNTN M là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Hết thời hạn trên nếu Công ty W không trả được nợ thì UBND xã C sẽ trả thay bằng nguồn vốn của ngân sách Nhà nước cấp cho trường. Như vậy nội dung của Hợp đồng bảo lãnh thực chất là sự thỏa thuận của các bên về việc chuyển giao nghĩa vụ giữa Công ty W cho UBND xã C, theo đó UBND xã C sẽ có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho Công ty W nếu Công ty W không trả được khoản tiền này. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 315, Điều 316 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy cần áp dụng thêm các quy định của pháp luật về việc chuyển giao nghĩa vụ để giải quyết vụ án.

Theo Điều 33 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 quy định nhiệm vụ chi của Ngân sách địa phương gồm: Chi đầu tư phát triển, trong đó có chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do địa phương quản lý. Công trình xây dựng lớp học gồm 3 tầng 12 phòng của trường THCS C thuộc công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do địa phương quản lý. Mặc dù doanh nghiệp T M không phải là người ký kết hợp đồng xây dựng với UBND xã C, tuy nhiên số tiền mà doanh nghiệp cho Công ty W vay là để sử dụng vào mục đích xây dựng trường học. Do vậy việc UBND xã C trả tiền cho Công ty W hay trả tiền cho doanh nghiệp M thực chất đều là việc sử dụng khoản ngân sách Nhà nước để chi cho việc xây dựng lớp học.

Theo thỏa thuận của các bên thì thời hạn trả tiền là 06 tháng kể từ ngày các bên ký kết văn bản ( ngày 5/6/2011), tức là ngày 5/12/2011 Công ty W phải trả tiền cho doanh nghiệp M. Tuy nhiên trên thực tế sau khi hết hạn Công ty W mới trả được một phần nợ cho Doanh nghiệp M, doanh nghiệp đã nhiều lần đòi nợ nhưng Công ty W không trả nợ. Do vậy căn cứ vào nội dung thỏa thuận trong giấy bảo lãnh, doanh nghiệp M có quyền yêu cầu UBND xã C phải thực hiện trả nợ thay cho Công ty W chính là có căn cứ. UBND xã C đồng ý trả nợ thay cho Công ty W chính là đã thực hiện việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự, không ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước.

Từ phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm về việc áp dụng điều luật cho phù hợp.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 ; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Toà án nhân dân huyện G như sau:

Căn cứ các Điều 315; Điều 316; Điều 471; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M - Chủ Doanh nghiệp tư nhân M: Xác định Công ty cổ phần đầu tư W còn nợ bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền 381.250.000đồng (bằng chữ: Ba trăm tám mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận sự tự nguyện của UBND xã C: UBND xã C thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty cổ phần đầu tư W đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị M - Chủ Chủ doanh nghiệp tư nhân M. UBND xã C có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M có mã số doanh nghiệp 0800290869, số tài khoản 421101.410012 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G số tiền 350.000.000đồng (bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng) từ số tiền còn phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần đầu tư W do thi công công trình nhà 03 tầng 12 phòng học của trường THCS C.

*Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu UBND xã C phải chịu tiền lãi chậm trả trong trường hợp chậm thanh toán cho đến khi UBND xã C thực hiện xong việc thanh toán khoản tiền trên.*

3. Buộc Công ty cổ phần đầu tư W tiếp tục phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền còn nợ là 31.250.000đồng (Bằng chữ: Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần đầu tư W không thanh toán trả số tiền trên thì Công ty cổ phần đầu tư W còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay.*

4. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư W phải chịu 19.062.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M - Chủ doanh nghiệp tư nhân M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0003343 ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G (do ông Nguyễn Văn T nộp thay).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hánh án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

*- VKSND tỉnh Hải Dương;*
*- TAND huyện G;*
*- Chi cụcTHADS huyện G;;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án;*
*- Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**